

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Thuận	3471010323	31/03/1992	9,00	5,00	6,20	
2	Lưu Đức	Toàn	3671040005	22/11/1994	6,00	4,00	4,60	
3	Vũ Nhật	Hoàng	3671040011	06/04/1994	7,00	4,30	5,10	
4	Hân Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991	6,00	4,80	5,20	
5	Lương Đình	Huy	3671040027	13/07/1994	8,00	6,30	6,80	
6	Nguyễn Ngọc Hải	My	3671040028	03/07/1994	7,00	3,50	4,60	
7	Nguyễn Ngọc	Nam	3671040029	02/07/1994	8,00	2,00	3,80	
8	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994	7,00	3,30	4,40	
9	Trương Nguyễn Đức	Vinh	3671040041	12/07/1993	6,00	1,50	2,90	
10	Nguyễn Quang	Đức	3671040055	03/12/1994	7,00	6,30	6,50	
11	Trần Văn	Kiên	3671040079	15/07/1994	5,00	,00	1,50	
12	Nguyễn Anh	Khang	3671040086	16/11/1994	8,00	3,00	4,50	
13	Trương Hoàn	Lâm	3671040087	02/09/1994	8,00	3,50	4,90	
14	Phan Văn	Thắng	3671040103	17/09/1994	6,00	,00	1,80	
15	Trần Văn	Dân	3671040118	22/07/1994	6,00	3,80	4,50	
16	Nguyễn Hồng	Dương	3671040124	18/11/1994	8,00	4,30	5,40	
17	Mai Thế	Huy	3671040126	25/09/1993	7,00	5,50	6,00	
18	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	6,00	2,80	3,80	
19	Lê Thanh	Tú	3671040162	10/04/1993	7,00	3,80	4,80	
20	Bùi Hữu	Quyền	3671040170	20/02/1992	8,00	5,00	5,90	
21	Nguyễn Trung	Kiên	3671040178	20/10/1994	7,00	5,80	6,20	
22	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	7,00	3,80	4,80	
23	Trần Thanh	Thịnh	3671040199	22/12/1994	7,00	,00	2,10	
24	Tạ Đình	Kha	3671040204	30/05/1994	8,00	7,50	7,70	
25	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	3671040211	22/02/1994	8,00	,00	2,40	
26	Nguyễn Văn	Đệ	3671040218	06/11/1994	7,00	2,30	3,70	
27	Trần Bùi Trung	Kiên	3671040221	25/04/1992	8,00	2,80	4,40	
28	Bùi Ngọc	Hải	3671040235	27/10/1994	6,00	5,30	5,50	
29	Lê Duy	Khang	3671040262	11/01/1994	5,00	4,80	4,90	
30	Bùi Văn	Vũ	3671040278	04/06/1992	,00	,00	,00	
31	Trần Ngô Quốc	Khanh	3671040285	31/10/1994	6,00	,00	1,80	
32	Nguyễn Đức	Mạnh	3671040465	15/04/1992	8,00	3,00	4,50	
33	Bùi Văn	Nhân	3671040680	05/06/1994	,00	,00	,00	
34	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993	6,00	5,30	5,50	
35	Âu Tấn	Lực	3671041954	26/10/1994	7,00	,00	2,10	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Hữu Cơ	3671041981	20/04/1994	7,00	3,80	4,80	
37	Lê Minh Thành	3671041986	20/05/1994	9,00	5,50	6,60	
38	Nguyễn Thọ Hoan	3671042003	20/12/1994	6,00	7,30	6,90	
39	Huỳnh Tấn Lâm	3671042021	02/10/1994	7,00	,00	2,10	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)